

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NG TỈNH K
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 25/11/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH K
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường; Bà Bùi Thị Minh Châu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2021/TLST-DS ngày 21/7/2021; về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 128/2021/QĐST-DS ngày 09/11/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng NN Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 L, phường Th, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn H – Giám đốc Ngân hàng NN Việt nam – chi nhánh huyện Ng, K, ủy quyền lại cho anh Nguyễn Văn H – Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh chi nhánh huyện Ng, K; Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số 04 Trần Hưng Đạo, thị trấn P, huyện Ng, tỉnh K (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ng; sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn 5 xã T, huyện Đ, tỉnh K. (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Đỗ Quyết Th; Địa chỉ: Thôn 5 xã T, huyện Đ, tỉnh K. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng NN Việt Nam trình bày:

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa ngân hàng NN Việt Nam ký với bà Nguyễn Thị Ng hợp đồng tín dụng số 5103- LAV- 201904540/HĐTD, số tiền giải ngân cho vay: 110.000.000đ (*một trăm mười triệu đồng*). Mục đích vay: Chăm sóc cà phê; Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày cho vay đến hết ngày 28/11/2023. Mức lãi suất cho vay kể từ ngày vay đến hết ngày 28/11/2023 là 10%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả lãi 06 tháng một lần, phân kỳ trả nợ gốc: vào ngày 28/11/2021 trả 10.000.000đ, ngày 28/11/2022 trả 30.000.000đ, ngày 28/11/2023 trả 70.000.000đ.

Do Ngân hàng cho vay theo nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ nên không làm hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm mà người vay chỉ gửi giữ làm tin tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 560239 do UBND huyện Đắk Tô cấp ngày 30/6/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th; Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03 và tài sản gắn liền với đất tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh K.

Hiện nay bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th đã đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới để nguyên đơn được biết. Tính đến hết ngày 25/11/2021 bị đơn chưa trả đồng nào tiền lãi, tiền gốc. Còn nợ gốc 110.000.000đ; nợ lãi trong hạn 21.939.726đ

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 131.939.726đ (*Một trăm ba mươi một triệu, chín trăm ba mươi nghìn, bảy trăm hai sáu đồng*) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ, tiền lãi quá hạn. Nếu đến ngày án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th không trả tiền thì nguyên đơn sẽ tự yêu cầu quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành án và nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu là xử lý tài sản bảo đảm do ngân hàng cho vay không ký hợp đồng bảo đảm về tài sản, nên nguyên đơn chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ. Buộc bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí, theo quy định pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Quyết Th: Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương được biết bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th đã đi khỏi địa phương từ năm 2019, nhưng đôi khi vẫn về địa phương để làm căn cước công dân. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Ng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đánh giá: Hợp đồng tín dụng số 5103- LAV- 201904540/HĐTD ngày 28/11/2019 có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Do nguyên đơn rút phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nên phải chịu tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ, theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 40 BLTTDS; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 244, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo Án lệ số [08/2016/AL](#). Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là quan hệ phát sinh trong hoạt động dân sự, vì vậy Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Như vậy bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 5103-LAV- 201904540/HĐTD ngày 28/11/2019, số tiền giải ngân cho vay: 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*). Do Ngân hàng cho vay theo nghị định số 55/2015/NĐ-

CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ nên không làm hợp đồng bảo đảm tài sản thế chấp mà người vay chỉ giữ giữ làm tin tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 560239 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/6/2014; Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03 và tài sản gắn liền với đất. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Về hình thức của hợp đồng: Các chủ thể tham gia ký kết đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015, được lập bằng văn bản. Mục đích và nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại Điều 117 và Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy Hợp đồng tín dụng số 5103 - LAV- 201904540/HĐTD ngày 28/11/2019 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay đúng, đủ số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*). Sau khi nhận tiền giải ngân bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi, bị đơn đã không trả đồng nào tiền lãi theo hợp đồng trả lãi sáu tháng một lần. Vi phạm nghĩa vụ trả lãi vào ngày 28/5/2020.

Từ những vi phạm trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận; Buộc bị đơn phải trả đủ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 5103 - LAV- 201904540/HĐTD ngày 28/11/2019 , tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 25/11/2021: (nợ gốc 110.000.000đ và nợ lãi trong hạn 21.939.726; Tổng cộng 131.939.726đ (*Một trăm ba mươi một triệu, chín trăm ba mươi nghìn, bảy trăm hai sáu đồng*)) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ, theo khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 463, các khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Theo Án lệ số [08/2016/AL](#) được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, thì: “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa*

thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[4] Về xử lý tài sản tạm giữ:

Để đảm bảo cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng và toàn bộ số tiền lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác, tài sản gửi giữ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 560239 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/6/2014; Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03 và tài sản gắn liền với đất, mang tên bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th. Nếu bà Ng ông Th trả toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn có trách nhiệm trả lại tài sản gửi giữ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 560239 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/6/2014 cho bà Ng và ông Th. Nếu bà Ng và ông Th không hoàn tất việc thanh toán khoản tiền vay thì nguyên đơn sẽ yêu cầu thi hành án.

[5] Về án phí và các khoản chi phí khác:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.596.000đ (*Sáu triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản bảo đảm, nên phải chịu tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ. Số tiền nguyên đơn nộp tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ chuyển thành tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, theo khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, 119, Điều 463, khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án;

Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo;

xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản bảo đảm.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th phải trả Ngân hàng NN Việt nam số tiền dư nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 5103 - LAV-201904540/HĐTD ngày 28/11/2019, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/11/2021): (nợ gốc 110.000.000đ và nợ lãi trong hạn 21.939.726; Tổng cộng 131.939.726đ (*Một trăm ba mươi một triệu, chín trăm ba chín nghìn, bảy trăm hai sáu đồng*)) và lãi suất phát sinh. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (*mức lãi suất trong hạn của Hợp đồng tín dụng số 5103- LAV- 201904540/HĐTD ngày 28/11/2019 đang áp dụng 10%/năm*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Và sẽ được điều chỉnh tiếp theo (nếu có) cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng NN Việt nam – Chi nhánh huyện Ng số tiền dư nợ gốc, lãi và các chi phí xác định trên thì Ngân hàng NN Việt nam – Chi nhánh huyện Ng trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 560239 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/6/2014; Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03 mang tên bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th. Trường hợp bà Ng và ông Th không trả các khoản tiền nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ. Số tiền nguyên đơn tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ chuyển thành tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Đỗ Quyết Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.596.000đ (*Sáu triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng NN Việt nam – Chi nhánh huyện Ng được nhận lại 3.125.000đ (*ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002763 ngày 20-7-2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/11/2021). Bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án, ông Đỗ Quyết Th có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh K.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Oanh